

**DANH SÁCH HỌC VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP
VÀ CẤP BẰNG THẠC SĨ Y HỌC NĂM 2019**

(Đính kèm Quyết định số: 957 /QĐ-TĐHYKPNT, ngày 20 tháng 03 năm 2020)

TT	TT CN	HỌ	TÊN	PHÁI	NGÀY SINH	NƠI SINH	SỐ BẰNG	GHI CHÚ
01- CHUYÊN NGÀNH CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH (06)								
1	1	Phạm Minh	Quang	Nam	04/02/1992	Đà Nẵng	01 /K1/CH-CDHA/19	
2	2	Đặng Ngọc	Thạch	Nam	29/03/1977	Biên Hòa	02 /K1/CH-CDHA/19	
3	3	Nguyễn Hoàng	Thuấn	Nam	09/08/1982	Cần Thơ	03 /K1/CH-CDHA/19	
4	4	Nguyễn Thị Tuyên	Trân	Nữ	21/01/1981	Phú Khánh	04 /K1/CH-CDHA/19	
5	5	Võ Thị Minh	Trí	Nữ	28/07/1991	Đà Nẵng	05 /K1/CH-CDHA/19	
6	6	Nguyễn Anh	Tuấn	Nam	15/11/1982	Tp.Hồ Chí Minh	06 /K1/CH-CDHA/19	
02- CHUYÊN NGÀNH NHÃN KHOA (06)								
7	1	Nguyễn Lê Huy	Anh	Nam	29/02/1992	Đồng Nai	07 /K5/CH-M/19	
8	2	Phạm Thế	Hoàng	Nam	29/07/1992	Hà Tĩnh	08 /K5/CH-M/19	
9	3	Lưu Trà	My	Nữ	10/02/1992	Hà Nội	09 /K5/CH-M/19	
10	4	Hồ Đoàn Thanh	Nhất	Nữ	06/02/1992	Tp.Hồ Chí Minh	10 /K5/CH-M/19	
11	5	Phan Phương	Thảo	Nữ	24/12/1992	Tp.Hồ Chí Minh	11 /K5/CH-M/19	
12	6	Lê Minh	Trang	Nữ	11/12/1991	Tp.Hồ Chí Minh	12 /K5/CH-M/19	
03- CHUYÊN NGÀNH NHI KHOA (19)								
13	1	Phùng Quốc	Anh	Nam	16/11/1992	Tp.Hồ Chí Minh	13 /K6/CH-NH/19	
14	2	Nguyễn Minh	Châu	Nữ	01/04/1992	Tp.Hồ Chí Minh	14 /K6/CH-NH/19	
15	3	Nguyễn Thị Ngọc	Diễm	Nữ	13/12/1990	Bình Dương	15 /K6/CH-NH/19	
16	4	Trần Thị Đăng	Dung	Nữ	09/01/1992	Long An	16 /K6/CH-NH/19	
17	5	Phạm Thị Thanh	Hằng	Nữ	29/10/1992	Tp.Hồ Chí Minh	17 /K6/CH-NH/19	

TT	TT CN	HỌ	TÊN	PHÁI	NGÀY SINH	NƠI SINH	SỐ BẢNG	GHI CHÚ
18	6	Hồ Trương Hồng	Hạnh	Nữ	07/03/1992	Thừa Thiên Huế	18 /K6/CH-NH/19	
19	7	Lê Chí	Hiếu	Nam	10/10/1992	Tp.Hồ Chí Minh	19 /K6/CH-NH/19	
20	8	Lâm Mỹ	Huyền	Nữ	10/07/1992	Long An	20 /K6/CH-NH/19	
21	9	Nguyễn Khánh	Linh	Nữ	17/11/1992	Tp.Hồ Chí Minh	21 /K6/CH-NH/19	
22	10	Lý Hoa Anh	Minh	Nam	05/12/1992	Tp.Hồ Chí Minh	22 /K6/CH-NH/19	
23	11	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	Nữ	21/06/1992	Đồng Nai	23 /K6/CH-NH/19	
24	12	Hồ Quốc	Pháp	Nam	10/12/1990	Quảng Ngãi	24 /K6/CH-NH/19	
25	13	Đặng Ngọc	Phú	Nam	22/12/1992	Thừa Thiên Huế	25 /K6/CH-NH/19	
26	14	Vũ Bảo	Sơn	Nam	04/03/1992	Tp.Hồ Chí Minh	26 /K6/CH-NH/19	
27	15	Hồ Phạm Minh	Tâm	Nam	02/06/1993	Bạc Liêu	27 /K6/CH-NH/19	
28	16	Nguyễn Minh	Thu	Nữ	14/09/1992	Tp.Hồ Chí Minh	28 /K6/CH-NH/19	
29	17	Hoàng Minh	Tuyền	Nữ	05/05/1992	Tp.Hồ Chí Minh	29 /K6/CH-NH/19	
30	18	Trương Thị Phương	Uyên	Nữ	23/07/1989	Tp.Hồ Chí Minh	30 /K6/CH-NH/19	
31	19	Nguyễn Đặng Bảo	Minh	Nam	11/05/1988	Tp.HCM	31 /K6/CH-NH/19	NK 16-19
04- CHUYÊN NGÀNH NGOẠI KHOA (08)								
32	1	Vũ Khương	An	Nam	19/03/1992	Tp.Hồ Chí Minh	32 /K5/CH-NG/19	
33	2	Trần Trí	Bảo	Nam	15/10/1992	Tp.Hồ Chí Minh	33 /K5/CH-NG/19	
34	3	Hứa Thành	Danh	Nam	06/04/1992	Tp.Hồ Chí Minh	34 /K5/CH-NG/19	
35	4	Lê Kim	Long	Nam	05/09/1988	Đồng Nai	35 /K5/CH-NG/19	
36	5	Nguyễn Thanh	Sang	Nam	08/07/1992	Tp.Hồ Chí Minh	36 /K5/CH-NG/19	
37	6	Nguyễn Ngọc Lan	Thanh	Nữ	01/01/1991	Tp.Hồ Chí Minh	37 /K5/CH-NG/19	
38	7	Đặng Minh	Tuấn	Nam	27/09/1984	Hà Tĩnh	38 /K5/CH-NG/19	
39	8	Nguyễn Trương Vĩnh	Xuân	Nam	13/08/1992	Tiền Giang	39 /K5/CH-NG/19	

TT	TT CN	HỌ	TÊN	PHÁI	NGÀY SINH	NƠI SINH	SỐ BẢNG	GHI CHÚ
05-	CHUYÊN NGÀNH NỘI KHOA (25)							
40	1	Lương Thị Ngọc	Anh	Nữ	01/01/1991	Đồng Tháp	40 /K7/CH-N/19	
41	2	Nguyễn Thái	Bình	Nam	23/11/1985	Hậu Giang	41 /K7/CH-N/19	
42	3	Phan Anh	Dũng	Nam	20/02/1990	Quảng Ngãi	42 /K7/CH-N/19	
43	4	Phan Văn	Duyệt	Nam	03/04/1972	Quảng Nam	43 /K7/CH-N/19	
44	5	Thái	Hiền	Nữ	04/11/1986	Đồng Tháp	44 /K7/CH-N/19	
45	6	Vũ Minh	Hồng	Nam	31/12/1992	Tp.Hồ Chí Minh	45 /K7/CH-N/19	
46	7	Hà Quốc	Hưng	Nam	19/11/1988	Tp.Hồ Chí Minh	46 /K7/CH-N/19	
47	8	Lê Thị Hương	Lan	Nữ	05/01/1966	Sài Gòn	47 /K7/CH-N/19	
48	9	Nguyễn Phát Thành	Luận	Nam	20/01/1991	Quảng Ngãi	48 /K7/CH-N/19	
49	10	Nguyễn Hạnh	My	Nữ	11/07/1986	Đắk Lắk	49 /K7/CH-N/19	
50	11	Hồ Thanh	Nhân	Nam	01/10/1987	An Giang	50 /K7/CH-N/19	
51	12	Nguyễn Văn	Nhân	Nam	21/03/1983	Tp.Hồ Chí Minh	51 /K7/CH-N/19	
52	13	Đặng Thế	Phong	Nam	09/08/1990	Tp.Hồ Chí Minh	52 /K7/CH-N/19	
53	14	Phạm Quang Thiên	Phú	Nam	29/08/1992	Tp.Hồ Chí Minh	53 /K7/CH-N/19	
54	15	Nguyễn Thế	Thái	Nam	26/09/1992	Tp.Hồ Chí Minh	54 /K7/CH-N/19	
55	16	Nguyễn Khiêm	Thao	Nam	09/11/1983	Tp.Hồ Chí Minh	55 /K7/CH-N/19	
56	17	Trần Phạm Phương	Thư	Nữ	01/11/1989	Đồng Nai	56 /K7/CH-N/19	
57	18	Huỳnh Nguyễn Hạnh	Tiên	Nữ	07/07/1992	Tp.Hồ Chí Minh	57 /K7/CH-N/19	
58	19	Nguyễn Bích	Trăm	Nữ	21/10/1991	Tp.Hồ Chí Minh	58 /K7/CH-N/19	
59	20	Nguyễn Đoan	Trang	Nữ	01/02/1992	Tp.Hồ Chí Minh	59 /K7/CH-N/19	
60	21	Hồ Thiên	Trang	Nữ	25/04/1991	Bạc Liêu	60 /K7/CH-N/19	
61	22	Lê Thị Hạnh	Trúc	Nữ	03/12/1991	Tp.Hồ Chí Minh	61 /K7/CH-N/19	



phu

TT	TT CN	HỌ	TÊN	PHÁI	NGÀY SINH	NƠI SINH	SỐ BẢNG	GHI CHÚ
62	23	Nguyễn Ngọc Thanh	Tuyền	Nữ	31/05/1992	Tp.Hồ Chí Minh	62 /K7/CH-N/19	
63	24	Võ Thị Tố	Uyên	Nữ	26/11/1989	Tp.Hồ Chí Minh	63 /K7/CH-N/19	
64	25	Nguyễn Đình	Văn	Nam	15/10/1991	Hà Tĩnh	64 /K7/CH-N/19	
06-	CHUYÊN NGÀNH TAI MŨI HỌNG (04)							
65	1	Diệp Phúc	Anh	Nam	05/04/1992	Tp.Hồ Chí Minh	65 /K6/CH-TMH/19	
66	2	Nguyễn Thị Mỹ	Lộc	Nữ	10/01/1981	Phú Khánh	66 /K6/CH-TMH/19	
67	3	Lê Lữ Minh	Tâm	Nam	31/10/1992	Tp.Hồ Chí Minh	67 /K6/CH-TMH/19	
68	4	Trương Trí	Tường	Nam	02/11/1992	Tp.Hồ Chí Minh	68 /K6/CH-TMH/19	

Ấn định danh sách có 68 (Sáu mươi tám) học viên thuộc 06 chuyên ngành./.